UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 1170 /SCT-QLNL
V/v báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương

Thực hiện Văn bản số 3021/BCT-ĐTĐL ngày 28/4/2020 của Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; Trên cơ sở kết quả báo cáo của các đơn vị, Sở Công Thương Quảng Trị tổng hợp báo cáo kết quả đã thực hiện của tháng 7/2020 và lũy kế từ tháng 4/2020 đến ngày 31/7/2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại phụ lục đính kèm.

Đề nghị Cục Điều tiết Điện lực tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, QLNL (4).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Lê Quang Vĩnh

Phụ lục

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢM GIÁ ĐIỆN, GIẢM TIỀN ĐIỆN DO TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 THÁNG 7 NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số: 1170 /SCT-QLNL ngày 10/8/2020 của Sở Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19)

Tháng: 7/2020

TT	Nội dung	Tháng 7/2020				Lũy kế từ tháng 4/2020 đến hết ngày 31/07/2020			
		Tổng số KH/cơ sở	Sản lượng điện (kWh)	Số tiền KH thực thanh toán (đồng, trước VAT)	Số tiền hỗ trợ giảm giá (đồng, trước VAT)	Tổng số KH/cơ sở	Sản lượng điện (kWh)	Số tiền KH thực thanh toán (đồng, trước VAT)	Số tiền hỗ trợ giảm giá (đồng, trước VAT)
	Tổng cộng:	**184.517**	**47.602.014**	**85.211.591.495**	**8.922.654.655**	**565.328**	**171.226.294**	**298.447.470.976**	**32.216.139.855**
I	**Giảm giá điện**	**184.502**	**47.563.228**	**85.193.577.884**	**8.869.164.125**	**565.226**	**170.464.009**	**297.588.797.573**	**31.710.639.682**
1	Khách hàng sản xuất	8.286	13.834.666	21.628.644.947	2.398.467.384	33.919	73.154.250	115.496.149.146	12.809.507.586
2	Khách hàng Kinh doanh	3.336	2.449.044	6.110.061.589	679.866.690	13.934	8.584.921	21.245.663.884	2.362.711.573
3	Khách hàng Sinh hoạt	172.777	30.735.687	56.572.057.025	5.221.546.332	516.982	87.105.681	158.142.881.795	14.938.023.435
4	Khách hàng là cơ sở lưu trú du lịch	94	497.562	783.567.318	558.271.697	340	1.405.980	2.246.838.083	1.549.660.962
5	Khách hàng bán buôn điện	9	46.269	99.247.005	11.012.022	51	213.177	457.264.665	50.736.126
5.1	*Khách hàng bán buôn nông thôn*								
5.2	*Khách hàng bán buôn Khu tập thể-CDC*								
5.3	*Khách hàng bán buôn TM-DV-SH*								
5.4	*Khách hàng bán buôn KCN*								
5.5	*Khách hàng bán buôn Chợ*	*9*	*46.269*	*99.247.005*	*11.012.022*	51	213.177	457.264.665	50.736.126
II	**Giảm tiền điện:**	**15**	**38.786**	**18.013.611**	**53.490.530**	**102**	**762.285**	**858.673.403**	**505.500.173**
1	Cơ sở (không phải khách sạn) được dùng để cách ly, khám bệnh tập trung bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	10	26.257	0	48.987.127	72	156.888	0	290.831.825
2	Cơ sở y tế được dùng để khám, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	5	12.529	18.013.611	4.503.403	28	600.318	851.200.949	212.800.235
3	Khách sạn được dùng để cách ly bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19					2	5.079	7.472.454	1.868.113